

QUAN NIỆM KHỔNG GIÁO VỀ CON NGƯỜI VỚI QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA XÃ HỘI

Nguyễn Thanh*

■ TÓM TẮT:

Khó có thể không nhận thấy một sự thực hiển nhiên là đa số các quốc gia trên thế giới hiện nay đều đang tiến hành quá trình hiện đại hóa, chính vì vậy có thể khẳng định, hiện đại hóa là một tất yếu khách quan. Nhưng, vấn đề không hẳn là tính chất khách quan của quá trình hiện đại hóa mà còn là khả năng đạt tới trình độ hiện đại, tính hiện đại. Đây là vấn đề về **chủ thể của hiện đại hóa**, vì hiện đại hóa không những là một quá trình khách quan mà còn là một chính sách, tức nó có chủ thể của mình. Đến lượt mình, chủ thể này lại thể hiện là đại diện của một nền văn hóa xác định, do vậy khả năng thành công, tiến độ, tốc độ của hiện đại hóa cần được và trước hết phải được khảo cứu trên bình diện chủ thể của nó. Trước khi đi sâu vào vấn đề khả năng hiện đại hóa đối với các xã hội phương Đông cùng với nền văn hóa Khổng giáo chiếm ưu thế, theo chúng tôi, cần phải khái quát những đặc điểm của xã hội hiện đại để có được cái nhìn rõ hơn về quá trình này trên phương diện chủ thể của nó.

q ABSTRACT

It is hard to not notice an obvious fact that most countries in the world are now underway to modernization process, so we may confirm that modernization is the objective indispensability. However, the problem is not really objective nature of the

modernization process, but it is the ability to

*reach the modern level and modernity. This is an issue on the **subject of modernization**, for modernization is not only an objective process but also a policy, that is, it has its subject. In turn, this subject expresses that it is representative of a defined culture, so the potential for success, progress and speed of modernization need to be researched on aspect of its subject firstly. Before going deep into the issue of modernization capability for oriental societies with dominating Confucian culture, according to us, we need to generalize the characteristics of modern society to get a clearer view about this process on aspect of its subject.*

Theo chúng tôi, một xã hội hiện đại là xã hội có những dấu hiệu sau đây: 1) mức độ đô thị hóa, 2) mức độ biết chữ và sự hiện diện một hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, 3) số lượng báo chí lưu hành, 4) dân chủ hóa chính trị, 5) bảo đảm tự do kinh doanh, 6) thừa nhận xã hội là một cơ thể thế tục, 7) nâng cao tính ổn định xã hội, 8) phân hóa ngành nghề, 9) hệ thống tổ chức xã hội của quần chúng, 10) ý thức của công dân về tổ quốc của mình, 11) hệ thống pháp luật phát triển, 12) tự do tinh thần.

Hiện đại hóa đòi hỏi phải cải biến toàn bộ cơ cấu của xã hội, toàn bộ hệ thống quan hệ xã hội và điều quan trọng nhất là cải biến bản thân con người. Hiện đại hóa không những là cải thiện mức sống vật chất mà còn là cải biến quan niệm, tâm tính của con

* PGS.TS. Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

người. Sống trong căn hộ hiện đại, có xe ô tô riêng, có đồ ăn phương Tây, ăn mặc kiểu phương Tây, tất cả những thứ đó vẫn chưa đủ để nói tới hiện đại hóa. Đối với một người thì hiện đại hóa có nghĩa là có tri thức và quan niệm hiện đại, hành động phù hợp với các chuẩn mực hiện đại, còn đối với cơ thể xã hội thì cần phải nói tới nhà nước pháp quyền, xu hướng dẫn tới công bằng, hợp lý và đồng thuận. Sẽ sai lầm nếu cho rằng, hiện đại hóa là hoàn toàn đoạn tuyệt với toàn bộ kinh nghiệm văn hóa và xã hội trước đó; hiện đại hóa không phải là một cuộc vận động chống lại truyền thống hay phi truyền thống, mà kế thừa, phát huy truyền thống. Hiện đại hóa có một phương diện quan trọng là hiện đại hóa chính trị. Nó bao gồm việc thay đổi cơ cấu và chức năng của hệ thống chính trị, hợp lý hóa hệ thống này; bao gồm việc dân chủ hóa quá trình thực hiện quyền lực của đa số (dân quyền), nâng cao hiệu quả hoạt động của chính phủ.

Nói tới phương diện chủ quan của hiện đại hóa, chúng ta cần phải bàn luận về ảnh hưởng của nền văn hóa tương ứng. Khi đề cập tới ảnh hưởng của các truyền thống văn hóa đến hiện đại hóa xã hội chúng ta, thì không thể bỏ qua vấn đề về Khổng giáo trong quá trình này, vì chính Khổng giáo tạo thành nền tảng văn hóa truyền thống của chúng ta. Nói cách khác, vấn đề hiện đại hóa chính trị và hiện đại hóa kinh tế có liên quan mật thiết với quan niệm về vai trò của các truyền thống triết học Trung Quốc và trước hết là của Khổng giáo. Song, chính ở đây lại nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hiện đại hóa của xã hội Khổng giáo, tức ảnh hưởng tiêu cực của Khổng giáo đến quá trình hiện đại hóa. ở thế kỷ XIX - XX, tại phương Tây đã xuất hiện quan niệm sai lệch về Khổng giáo và vai trò của nó đối với công cuộc hiện đại hóa xã hội, quan niệm như vậy bắt nguồn từ M. Weber.

Như đã rõ, M. Weber đưa ra tư tưởng

về sự phụ thuộc của đạo đức xã hội và của các xu hướng phát triển kinh tế vào hệ thống giáo lý tôn giáo. Theo ông, chính đạo đức Tin lành giáo bao hàm tinh thần của chủ nghĩa tư bản, Tin lành giáo có các giá trị như *thận trọng, tiết kiệm, khát vọng đổi mới và phục vụ nhân loại*, chúng là các nhân tố tinh thần cần thiết cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu. Điều đó đi liền với việc Tin lành giáo mang theo mình chủ nghĩa cá nhân. Đồng thời, M. Weber cũng cho rằng, trong xã hội Khổng giáo không có tinh thần của chủ nghĩa tư bản, vì các thành viên của nó ít có nghị lực và ít duy lý hơn tín đồ Tin lành giáo. ông khẳng định rằng, học thuyết Khổng giáo, về thực chất, là thù địch với phát triển kinh tế và hiện đại hóa xã hội. Theo ông, xã hội Khổng giáo không có “đạo đức kinh tế” dung hợp được với chủ nghĩa tư bản và phát triển kinh tế, Khổng giáo không có tính năng động về đạo đức vốn đặc trưng cho Tin lành giáo khắc kỷ, vì điều chủ yếu trong các giá trị Khổng giáo là điều tiết xã hội chứ không phải là thống trị có ý thức đối với xã hội.

Suốt một thời gian dài, các nhà khoa học phương Tây đã giữ một lập trường tương tự. Họ coi Khổng giáo là trở ngại cơ bản trên con đường phát triển của xã hội Khổng giáo. Họ muốn nói tới các nguyên tắc sau đây của Khổng giáo:

- Sự phân cấp xã hội, khi mà người lao động, người buôn bán giữ địa vị xã hội thấp nhất;
- Đặt lên hàng đầu lợi ích của gia đình, điều này dường như cản trở sự phát triển sản xuất có quy mô lớn;
- Quyền thừa kế của mọi con cái, điều này có thể thúc đẩy sự phân tán tư bản;
- Quá chú trọng tiết kiệm, điều này có thể cản trở lưu thông và sử dụng tư bản;
- Thái độ coi thường người thợ, điều này có thể cản trở sự cải tiến kỹ thuật;

Như vậy, văn hóa Khổng giáo được xem là chỗ dựa của chế độ phong kiến, trong Khổng giáo không có chủ nghĩa cá nhân, cũng như các nhân tố thúc đẩy sự phát triển của xã hội hiện đại. Khổng giáo nhấn mạnh sự giám sát hoạt động của con người từ phía tập thể, con người riêng biệt không thể là cá nhân độc lập. Do có sự can thiệp của nhà nước vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội và văn hóa chính trị gắn liền với nó, nên các cơ cấu thị trường và chủ nghĩa tư bản tự do không thể phát triển trong xã hội Khổng giáo. Khổng giáo chỉ quan tâm tới việc giáo dục các phẩm chất “đức hạnh” của con người. Khổng giáo xem quá trình phát triển trí tuệ của dân tộc không phải là tích lũy tri thức và thông tin mà là truyền đạt những tư liệu có sẵn từ xa xưa.

Thành tựu kinh tế to lớn của các nước phương Đông (Nhật Bản, Hồng Kông, Singapo, Hàn Quốc, Đài Loan) buộc các nhà nghiên cứu phương Tây phải thay đổi đánh giá về vai trò của Khổng giáo trong phát triển kinh tế. Thuật ngữ “chủ nghĩa tư bản Khổng giáo” đã xuất hiện. Qua đó họ nhấn mạnh vai trò của các giá trị văn hóa truyền thống trong hiện đại hóa.

Nhiều vấn đề gắn liền với Khổng giáo đã nảy sinh: nguyên nhân nào tạo ra vai trò ngày một tăng của học thuyết triết học cổ xưa này ở thời hiện đại? Khổng giáo rốt cuộc là gì - hệ tư tưởng chính trị hay tổng số các qui tắc đạo đức? Nó có ảnh hưởng gì đến sự tiến hóa của xã hội Khổng giáo? Những yếu tố nào của nó là dung hợp được và thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, những yếu tố nào của nó cần được cải biến, loại bỏ? Đương nhiên, giới chính khách và nhân dân ở trong xã hội Khổng giáo không thể chỉ tuân theo Khổng giáo. Từ đó nảy sinh vấn đề: vị trí của Khổng giáo trong việc hình thành các chuẩn mực ứng xử của tín đồ Khổng giáo hiện đại.

Khổng giáo là một hệ thống giá trị điều tiết quan hệ giữa người với người. Khổng tử đã khái quát đạo lý và các giá trị đạo đức chuẩn tắc của người Trung Quốc cổ. Từ đó ông muốn giáo dục chúng cho mỗi người bằng con đường tự hoàn thiện. Khổng tử thừa nhận sự tồn tại của thế giới siêu nhiên, song ông quan tâm trước hết đến cuộc sống hiện thực của con người cùng với những lo âu hàng ngày của họ. Sự sùng bái dòng họ phổ biến rộng rãi ở các quốc gia theo Khổng giáo, và nó hoàn toàn dựa trên đạo đức Khổng giáo, do vậy, trong văn hóa Khổng giáo truyền thống không có lưỡng đề “thế giới này” và “thế giới khác”. Cả hai thế giới ấy tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhờ đạo đức Khổng giáo. Sách của Khổng Tử là tập trung sự thông thái của con người, vì vậy chúng ta có thể nói tới tính chất duy lý của Khổng giáo hay *chủ nghĩa duy lý Khổng giáo*.

Theo quan niệm Khổng giáo, mọi người đều có quan hệ dòng họ với nhau. Suốt nhiều nghìn năm, tín đồ Khổng giáo sống trong một không gian địa lý, do vậy, ở họ đã hình thành niềm tin là họ sinh ra từ một tổ tiên, có quan hệ dòng họ với nhau. Nếu gia đình là nhà nước thu nhỏ, thì nhà nước là một gia đình mở rộng. Vì gia đình là nhóm xã hội cơ bản, nên các giá trị của chủ nghĩa duy lý Khổng giáo định hướng chính vào gia đình. Mỗi thành viên gia đình đều xem quan hệ gia đình là bất biến và, do vậy, mỗi người đều phải có thái độ đúng mực đối với gia đình trong suốt cuộc đời. Quan hệ như vậy không dừng lại ở trong gia đình mà được phổ biến rộng rãi ra các cộng đồng người khác. Điều này thể hiện rõ ở việc quan hệ này đóng vai trò quan trọng trong cộng đồng người Hoa trên khắp thế giới. Chúng có ảnh hưởng tới các hiện tượng xã hội khác nhau, như công danh, sự hình thành cơ cấu quan chức, bầu cử nghị viện và hoạt động

kinh doanh.

Như vậy, trái ngược với chủ nghĩa duy lý phương Tây là chủ nghĩa dựa vào chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa duy lý Khổng giáo coi chủ nghĩa tập thể gia đình là cơ sở của quan hệ giữa người với người.

Đồng thời, Khổng giáo cũng dạy cách làm người là quá trình liên tục tự phát triển, tự hoàn thiện. Nó có tính chất hai mặt - nắm bắt thói quen nghề nghiệp, tri thức chuyên môn và ý thức về “cái Ngã” của mình, tự nhận thức. Khổng giáo coi “cái Ngã” không phải là một con người riêng biệt, mà là sự tập trung những quan hệ khác nhau của nó với thế giới bao quanh - gia đình, xã hội, nhà nước, vũ trụ. Sự hình thành con người có nghĩa là hiện thực hóa “cái Ngã” của mình, là phát triển các phẩm chất bẩm sinh của mình. Như vậy, nguồn gốc tự phát triển của con người là thái độ tôn trọng đối với bản thân và nắm bắt tri thức.

Trong Khổng giáo dần dần đã diễn ra sự đạo đức hóa quan hệ xã hội và chính trị và đồng thời là sự chính trị hóa các giá trị đạo đức. Sự chính trị hóa này có ý nghĩa tiêu cực, vì nó dẫn tới sự phục tùng quyền uy, sự phân cấp quan hệ xã hội, sự thủ tiêu các cơ sở hợp lý của chúng, sự thể chế hóa nghiêm ngặt. Mô hình người cầm quyền có đức hạnh (người quân tử) bị sử dụng để đàn áp người khác. Quan niệm thống trị trong xã hội coi sứ mệnh của con người là phục tùng. Do vậy, xã hội Khổng giáo không đáp lại được sự thách thức của chủ nghĩa tự do phương Tây.

Theo chúng tôi, cần phân biệt Khổng giáo nguyên thủy với Khổng giáo sau này. Khổng giáo nguyên thủy là hệ thống các nguyên tắc đạo đức hoàn toàn định hướng vào chính trị, đối với Khổng Tử thì chính trị và đạo đức là không tách rời nhau được. Khổng giáo xem đời sống chính trị là sự biểu hiện và phát triển bản tính con người; là ý định đáp ứng các nhu cầu của con người.

Theo Khổng tử, đạo đức cá nhân và đạo đức chính trị là một, người cầm quyền phải là người đức hạnh. Khổng tử cho rằng, mọi người có khả năng như nhau để trở thành quân tử, tức trở thành viên của giai cấp cầm quyền, song chỉ có ít người sử dụng khả năng này và trở thành người cầm quyền.

Sự phổ biến rộng rãi đạo đức học Khổng giáo trở thành cơ sở để duy trì nhà nước dân tộc như một không gian văn hóa thống nhất. Giới cầm quyền chính trị hoàn thành vai trò kẻ biểu thị ý chí chung của toàn thể thành viên của nó. Giới cầm quyền có thể sử dụng pháp luật và bạo lực, song sử dụng hệ tư tưởng Khổng giáo đòi hỏi ít chi phí tài chính và nhân lực hơn nhiều, vì các chức năng của Khổng giáo rất đa dạng, tổng số các qui tắc giao tiếp cá nhân, tiêu chí để tuyển chọn cán bộ, cơ sở để trừng phạt chính trị, động cơ để tham gia vào hoạt động chính trị. Hệ tư tưởng Khổng giáo bảo đảm thống nhất ý thức của nhân dân và của chính phủ. Sự hợp nhất quyền lực và hệ tư tưởng, sự thống hợp dân tộc về mặt chính trị cho phép thực hiện mọi biện pháp của nhà nước

Các giá trị Khổng giáo đến nay vẫn chưa đánh mất ý nghĩa của mình, đặc biệt là đối với các nước Châu á. Chúng được sử dụng nhằm chống lại hai xu hướng bộc lộ trong sự phát triển dân chủ ở các nước phương Tây: *xu hướng biện hộ cho tự do cá nhân mà không mở rộng trách nhiệm của họ và xu hướng mất cân đối giữa chuẩn mực pháp lý và chuẩn mực xã hội.*

Các truyền thống văn hóa phương Đông rất khác với các giá trị dân chủ phương Tây trước hết vì chúng nhấn mạnh vai trò của toàn thể xã hội trong việc tạo ra một hệ thống chính trị ổn định. Khổng giáo cho phép duy trì sự cân bằng giữa các quyền cá nhân và lợi ích xã hội. Mặt mạnh của Khổng giáo là ở chỗ, nó là tổng số các chuẩn mực đạo đức điều tiết lối ứng xử của con người trong xã hội.

Đương nhiên, có một sự kế thừa nhất định giữa văn hóa chính trị truyền thống và văn hóa chính trị hiện đại. Nhiều người dân trong xã hội Khổng giáo chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của truyền thống Khổng giáo. Cho dù có những biến đổi kinh tế - xã hội to lớn, thái độ truyền thống đối với việc sử dụng quyền uy chính trị và quyền uy xã hội vẫn được giữ lại. Mọi thứ đều xoay quanh quyền uy. Điều này cản trở tính cởi mở rộng quan hệ chính trị, vì người dân sợ làm phương hại quan hệ của mình với người có quyền uy và sợ gây xung đột với người khác. Văn hóa chính trị vẫn cấm đoán tình cảm căng thẳng, đối lập lợi ích và thù địch cá nhân. Người dân trong xã hội Khổng giáo hiện đại đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân và không có ý thức chống lại quan điểm của người có quyền uy. Khổng giáo đòi hỏi giảm tối đa sự căng thẳng xã hội, điều này cho phép gọi đó là "đạo đức học hợp lý". Việc đạt tới sự đồng thuận giữa mọi người cho phép hợp nhất nỗ lực của họ để thực hiện các nhiệm vụ chính trị và xã hội với bất kỳ quy mô nào. Chẳng hạn, chính định hướng như vậy của Khổng giáo thúc đẩy sự hiện đại hóa xã hội Đài Loan.

Ưu điểm của Khổng giáo là ở chỗ, nó nhấn mạnh vai trò của đạo đức trong việc điều tiết quan hệ giữa người với người. Không phủ định ý nghĩa của các quy tắc pháp lý trong việc xây dựng xã hội dân chủ, nó đồng thời cũng chống lại sự tuyệt đối hóa chúng. Trong quan hệ gia đình - hôn nhân, chúng không thể thay thế được các nguyên tắc tôn giáo và giáo dục. Luật pháp và đạo đức cần phải tác động cùng nhau. Xét về phương diện này, Khổng giáo cùng với tổng số chuẩn mực đạo đức của nó có một triển vọng tốt đẹp. Khổng giáo đóng vai trò quan trọng trong việc chấn chỉnh quan hệ giữa con người và xã hội. Nếu tư tưởng chính trị phương Tây nhấn mạnh vai trò của dân chủ,

hiểu dân chủ như là quyền của cá nhân thực hiện lợi ích của mình, khi đó không dùng lại trước xung đột với xã hội, thì Khổng giáo nhấn mạnh tính vững chắc của quan hệ gia đình. Nói cách khác, nếu chủ nghĩa cá nhân thống trị ở phương Tây, thì chủ nghĩa tập thể là nguyên tắc chủ đạo ở trong xã hội Khổng giáo. Song, đó không phải là khiếm khuyết của Khổng giáo. Chủ nghĩa tập thể Khổng giáo giả định ngay từ đầu phải có các nguyên tắc có quan hệ trực tiếp với cá nhân riêng biệt, với sự hoàn thiện cá nhân. Nguyên tắc "nhân ái" được phát triển trong gia đình, nhưng gia đình gồm nhiều thành viên có cá tính. Chính gia đình hợp nhất cái cá nhân và cái tập thể. Do vậy, Khổng giáo có cả hai mặt cho phép nó đóng vai trò tích cực trong xã hội hiện đại.

Trong xã hội phong kiến, hệ tư tưởng Khổng giáo và các giá trị đạo đức Khổng giáo có liên hệ mật thiết với nhau. Song điều đó không có nghĩa rằng, chúng không thể tồn tại thiếu nhau. Sau khi chế độ phong kiến sụp đổ, Khổng giáo với tư cách hệ thống giá trị đạo đức vẫn tiếp tục tồn tại dưới chế độ chính trị mới. Hiện nay, các giá trị Khổng giáo góp phần làm tăng thái độ tin tưởng lẫn nhau, thái độ có trách nhiệm, thận trọng, nhiệt tình, tiết kiệm, đồng thời dạy việc coi trọng năng suất lao động và chi phí tối thiểu. Tách khỏi tính kiêu ngạo chính trị của chế độ phong kiến, các giá trị Khổng giáo có đóng góp quan trọng cho việc giáo dục kỷ luật và thái độ tôn trọng lao động mà rất cần thiết trong quá trình hiện đại hóa đối với cả doanh nhân lẫn công nhân. Đặc trưng cho họ là truyền thống lao động khắc kỷ, tự hạn chế, kỷ luật, phục tùng pháp luật. Đạo đức học Khổng giáo khẳng định lý tưởng tích cực về trách nhiệm xã hội, lý tưởng giả định lao động cực nhọc vì bản thân và vì người thân, đạo đức kinh doanh nghiêm ngặt, tinh thần chủ động, đầu óc tháo vát, trung thành với

mục đích đặt ra, v.v... Do vậy, hệ thống giá trị Khổng giáo tiếp tục là nhân tố quan trọng của văn hóa chính trị và quan hệ kinh tế trong xã hội hiện đại. Từ đó thấy rõ sai lầm của Weber là ở chỗ ông không hiểu rằng, Khổng giáo không phải là tôn giáo, mà là học thuyết đạo đức. Có thể tìm thấy mối liên hệ giữa đạo đức Khổng giáo và tinh thần của chủ nghĩa tư bản, vì Khổng giáo cũng bao gồm các giá trị như thái độ tận tụy, tiết kiệm, cách tân, chủ nghĩa cá nhân và tìm kiếm lợi lộc.

Nhiều tác giả đề cập tới vấn đề dung hợp sự sùng mộ Khổng giáo với tinh thần của chủ nghĩa tư bản, nếu theo Khổng giáo thì thứ tự phân cấp xã hội từ trên xuống dưới là: trí thức, nông dân, công nhân (thợ thủ công) và thương nhân. Nếu chỉ quan tâm tới yếu tố đó thì sẽ có quan niệm méo mó về Khổng giáo. Cần phải nghiên cứu toàn bộ học thuyết Khổng giáo, mối liên hệ của nó với thực tiễn chính trị và kinh tế - xã hội. Chỉ như vậy thì mới có được quan niệm đúng đắn về bản chất đích thực của Khổng giáo.

Khổng Tử từng nói: "Người quân tử thông thạo việc tuân thủ bốn phận, người tiểu nhân thông thạo việc kiếm lợi". Người quân tử có nghĩa là quan lại, người tiểu nhân - dân thường. Tư tưởng kinh tế học Khổng giáo nhiều năm đã xuyên tạc ý nghĩa ban đầu của luận điểm đó. Cần phải hiểu điều đó như sau: quan chức chính phủ quan tâm tới việc duy trì trật tự công bằng trong xã hội, còn dân thường nghĩ về việc nhận được lợi nhuận. Hai nhóm xã hội này hoàn thành các chức năng khác nhau - nhân viên bộ máy nhà nước bảo đảm trật tự xã hội công bằng, nhân dân lao động nhiệt tình để kiếm được nhiều tiền, qua đó phát triển kinh tế. ở đây có một sự phân công lao động đặc biệt.

Như vậy, Khổng giáo nhấn mạnh tầm quan trọng phải có công việc riêng của mình đối với mỗi người. Nó khuyến khích họ tìm kiếm lợi nhuận cho mình và, rốt cuộc, cho xã

hội. Tính hợp lý kinh tế trong Khổng giáo được đánh giá từ góc độ sự hài hòa của lợi ích chung - không những của cá nhân mà còn của toàn thể xã hội. Như vậy, Khổng giáo chứa đựng tinh thần của chủ nghĩa tư bản giống như đạo đức Tin Lành.

Khổng giáo rất khác với các truyền thống tinh thần thế giới. Nó là một bộ phận kinh nghiệm sống của các dân tộc Đông á, có đóng góp rất lớn vào việc tạo ra tinh thần Đông á. phát triển các phẩm chất cá nhân của con người, cũng như tổ chức chính trị của xã hội. Vì Khổng giáo là một hiện tượng phức tạp, nên không thể đưa ra một đánh giá nhất quán về nó. *Một mặt*, nó bao hàm các giá trị đạo đức tuyệt vời có sức mạnh thuyết phục đạo đức, *mặt khác*, nó là hệ tư tưởng bị chính trị hóa tối đa.

Tính chất mâu thuẫn của Khổng giáo cho phép nó có được bộ mặt mới trong những năm gần đây. *Thứ nhất*, các giá trị của nó không còn mang tính chất chính trị hóa, *thứ hai*, nó cố gắng tạo ra học thuyết hình thành con người bằng các khái niệm hiện đại. *Một mặt*, ở nửa sau thế kỷ XX đã diễn ra quá trình ý thức về tính có liên can của mọi người với một nền văn minh thế giới thống nhất, *mặt khác*, người ta quan tâm nhiều tới tính đồng nhất văn hóa của bản thân, tìm kiếm các cội nguồn văn hóa, ngôn ngữ, dân tộc và thậm chí là địa lý. Tất cả những điều đó không thể không ảnh hưởng tới Khổng giáo.

Tinh thần mới của Khổng giáo rất giống với đạo đức Tin lành và đạo đức lao động phương Tây. Song giữa chúng vẫn có những khác biệt mang tính nguyên tắc. Trung tâm của mọi quan hệ trong Khổng giáo là "cái tôi", nó không tuyên truyền chủ nghĩa cá nhân mà tuyên truyền trách nhiệm của con người trước một bản chất cấp cao hơn - gia đình, công ty, tập thể và nhà nước.

Đạo đức Khổng giáo không kiên định các quyền con người, mà kiên định ý thức

trách nhiệm. Nó nhấn mạnh sự thống nhất của xã hội, sự tìm kiếm vị trí chấp nhận được đối với mỗi con người trong một cộng đồng đặc thù cụ thể. Vấn đề là ở chỗ nó phải gánh vác lấy những nghĩa vụ xác định và hành động phù hợp với chúng. Mô hình ứng xử như vậy giả định sự tự hoàn thiện của con người và đồng thời là sự tự nguyện tự hạn chế của nó. Sự thống nhất của dư luận xã hội đạt được không phải bằng con đường gán ép các khuôn mẫu tư tưởng hệ bắt buộc đối với mọi người, mà bằng con đường thỏa thuận kéo dài, điều này đòi hỏi trong xã hội phải có tinh thần hợp tác.

Đồng thời đạo đức Khổng giáo hiện đại nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục mà được hiểu không những là tích lũy tri thức mà còn là tôi luyện tính cách và hình thành nhân cách. Mục đích cuối cùng của giáo dục là giáo dục ý thức trách nhiệm và thái độ trung thành với các lý tưởng vĩ đại. Vị trí trung tâm trong xã hội được dành cho chính phủ. Song để lãnh đạo nhân dân, nó phải tiến hành một chính sách nhân đạo, sáng tạo và có sức sống. Khổng giáo hiện đại rất tôn trọng lịch sử, văn hóa, truyền thống, đánh giá cao sự thông thái và thông tin nhận được và được chuyển tải qua kinh nghiệm. Như vậy Khổng giáo hiện đại có thể đáp lại lời thách thức của văn hóa phương Tây vì nó bao hàm một số tư tưởng hiện đại về quyền lực, tôn trọng cá nhân, quyền tự trị của cá nhân, cạnh tranh trên cơ sở lành mạnh, v.v... Một số tác giả xem Khổng giáo là phương tiện có thể phục hồi những giá trị đạo đức bất biến, đã bị đánh mất ở thời đại công nghiệp, ở thời kỳ hiện đại hóa, Chính phủ Quốc dân đảng đã hợp nhất các giá trị đạo đức Khổng giáo với văn hóa hiện đại.

Ở nửa sau thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều vấn đề văn hóa xã hội: *sự tha hóa của con người, tâm trạng bi quan, sự suy đồi đạo đức*. Quan hệ giữa người với người nơi làm

việc đã đánh mất tính chất nhân cách, ở nhà họ cảm thấy như ở trong chuồng cọp, xu hướng thống trị trong xã hội là thương mại hóa và chủ nghĩa tương đối về đạo đức. Trong điều kiện đó, các giá trị tinh thần và xã hội của Khổng giáo có thể trở thành một sức mạnh cải tạo và sáng tạo.

Có tác giả cho rằng các giá trị Khổng giáo giả định vai trò hàng đầu của giáo dục, sự cần thiết của tri thức, nhấn mạnh vai trò của lao động, gia đình, nghĩa vụ và tinh thần quên mình. Người có văn hóa Khổng giáo chân chính phải là người rất yêu lao động, có trách nhiệm, thông thạo, sáng tạo, tự trọng. Xét về nhiều phương diện, đạo đức Khổng giáo vượt trội đạo đức phương Tây trong văn cảnh giải quyết nhiệm vụ công nghiệp hóa, bảo đảm sự giàu có và hiện đại hóa.

Vào giữa những năm 70, nhiều nhà khoa học phát hiện ra rằng Khổng giáo không những đóng vai trò của mình trong việc đạt tới các thành tựu kinh tế to lớn ở hàng loạt nước Đông Á mà còn là hệ thống đạo đức cho phép giải quyết không những vấn đề hệ trọng của xã hội công nghiệp. Hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa kéo theo những vấn đề trầm trọng, đưa tới sự phi nhân đạo hóa quan hệ giữa người với người, phá hại môi trường bao quanh, làm tổn hại đạo đức của con người riêng biệt và của toàn thể xã hội và tha hóa giữa người với người. Trong bối cảnh đó, nhiều nhà khoa học không thể không quan tâm tới vai trò tổng hợp của Khổng giáo trong sự phát triển đời sống xã hội của các nước Đông Á. Các giá trị Khổng giáo - sự hài hòa, lòng trung thực, sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt xã hội, sự tự hoàn thiện như phương tiện giáo dục ý thức trách nhiệm và tính cần mẫn- được sử dụng làm phương thuốc trị các căn bệnh và ung nhọt của xã hội đang hiện đại hóa. Khổng giáo cho phép con người là chính mình, xã hội loài người không biến chất. Điều này đương

nhiên là gắn liền với tinh thần nhân đạo của Khổng giáo. Chỉ trong trường hợp đáp ứng được các nhu cầu sinh lý cơ bản của mình thì con người mới có được trình độ phát triển tinh thần cao. Do vậy, nhiệm vụ của người cầm quyền là nuôi dưỡng nhân dân. Khổng giáo cũng kêu gọi phải hướng tới quan hệ công bằng và bình đẳng giữa người với người.

Một số tác giả coi khâu trung tâm của hiện đại hóa là việc sử dụng nguyên tắc hiệu quả trong việc đạt tới mục đích đặt ra với mức chi phí nỗ lực nhỏ nhất. Công nghiệp hóa là hình thức hiện thực hóa nguyên tắc này, đồng thời bản thân nguyên tắc này cũng có nghĩa là "nhận được nguồn dự trữ tự nhiên thông qua tri thức có tổ chức và lao động có tổ chức của con người. Hiện đại hóa phải bao hàm những cách tân liên tục và phải cải tiến trình độ khoa học và công nghệ, điều này đưa tới sự tăng trưởng kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống".

Trong điều kiện hiện đại hóa không thể không diễn ra sự biến đổi, điều chỉnh hệ thống chuẩn mực và giá trị điều tiết quan hệ giữa người với người, kể cả trong gia đình. Song điều đó không có nghĩa rằng Khổng giáo không có ảnh hưởng gì đến hiện đại hóa kinh tế. Cần phải phân biệt giữa "đạo đức vĩ mô" và "đạo đức vi mô". "Đạo đức vĩ mô" là quan điểm siêu hình học về cuộc sống và đồng thời là quan điểm về vũ trụ, chúng bao hàm hay cho phép một hệ thống đạo đức có thể được sử dụng như là cơ sở của niềm tin, hành động và quyết định có sắc thái giá trị. "Đạo đức vĩ mô" có thể trở thành căn cứ để hình thành chính sách kích thích những cải cách và rốt cuộc trở thành nhân tố của quá trình hiện đại hóa. "Đạo đức vi mô" chỉ biểu thị các chuẩn mực và các quy tắc ứng xử đặc thù, phản ánh một học thuyết riêng biệt.

Chính "đạo đức vĩ mô" bao hàm xu hướng tiến bộ và sáng tạo, thúc đẩy sự hiện đại hóa. Đồng thời trong quá trình hiện đại

hóa cũng diễn ra sự thủ tiêu các chuẩn mực và các giá trị đặc thù gắn liền với đạo đức vi mô của Khổng giáo.

Theo M. Weber, đạo đức trách nhiệm của Tin lành giáo đưa tới chỗ hình thành tinh thần tháo vát và quan tâm tới nghiên cứu, quá trình hợp lý hóa quản lý và toàn thể xã hội. Quan niệm Tin lành giáo về con người cùng với các truyền thống triết học phương Tây cho phép phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế hiện đại, cũng như tiến bộ xã hội nói chung. Theo một số tác giả, nếu xuất phát từ quan niệm của Weber về Khổng giáo thì cần phải thừa nhận học thuyết này là không dung hợp được với hiện đại hóa. Song họ giữ một quan điểm đối lập. *Thứ nhất*, hiện đại hóa không phải là một quá trình cơ giới đơn giản mà là một cuộc vận động xã hội phức tạp, trong đó có nhiều người tham gia mỗi người cùng với trí tuệ của mình; *thứ hai*, cần phải né tránh quan niệm đơn giản hóa về bản thân Khổng giáo. "Quan niệm của nó về tự nhiên, con người và Thượng Đế có nhiều phương diện có thể thỏa mãn, sử dụng và nghiên cứu cho hiện đại hóa hợp nhất trong mình truyền thống Khổng giáo với văn hóa phát triển kinh tế và công nghệ hiện đại".

Điều đó được giải thích bởi các lý do sau đây. *Trước hết*, trung tâm của đạo đức Khổng giáo là phúc lợi của toàn thể xã hội. Mục đích của sự hoàn thiện và tự giáo dục là phục vụ người và hạn chế ý muốn, lợi ích của riêng mình, các chuẩn mực đạo đức của Khổng giáo bao gồm cả khát vọng về tiện nghi vật chất, đặt lên hàng đầu đối với con người riêng biệt là lợi ích của gia đình, thông gia nó - lợi ích của toàn thể xã hội. Ngoài việc tuân thủ các quy tắc ứng xử xác định, nguyên tắc hiếu thảo của con cái còn bao hàm mục đích hợp pháp là bảo đảm vật chất cho cha mẹ từ phía con cái. Ngoài ra, theo Khổng giáo, người cầm quyền cần quan tâm tới nhân dân, do vậy bản thân bản chất của Khổng giáo bao hàm động cơ của hiện đại

hóa: *một mặt*, nhà nước chịu trách nhiệm về việc nâng cao phúc lợi vật chất cho công dân của mình, *mặt khác*, mỗi người đều có bổn phận trước gia đình và tập trung nỗ lực để bảo đảm phúc lợi vật chất cho nó. Bổn phận này được mở rộng cho tới toàn thể xã hội.

Do vậy, sự ảnh hưởng của Khổng giáo đến phát triển kinh tế của các nước phương Đông mang tính chất đa phương diện, không nên chỉ quy nó về đạo đức lao động. Đương nhiên, trong quá trình hiện đại hóa, bản thân Khổng giáo trải qua những biến đổi xác định, song chúng hoàn toàn không làm cho người ta hoài nghi tư tưởng trung tâm của đạo đức vĩ mô Khổng giáo về sự thống nhất của con người và tự nhiên, điều này không thể không có ảnh hưởng tới bản thân quá trình hiện đại hóa.

Có ba yếu tố chứng tỏ Khổng giáo tới nay vẫn còn có tác động. *Thứ nhất*, sự tương tác công nghệ của cộng đồng thế giới, của bản thân chúng ta với giới tự nhiên khẳng định (thông qua tai họa sinh thái) quan điểm của Khổng giáo rằng, chúng ta chỉ có thể phát triển thịnh vượng cùng nhau - con người, xã hội và tự nhiên. Việc bỏ qua thực tế này sẽ dẫn tới cái chết tất yếu. *Thứ hai*, hiện nay có ít hơn đáng kể những sự lý giải sai lầm và xuyên tạc về Khổng giáo so với thời đóng cửa. *Thứ ba*, hiện nay có ít khả năng hơn để chế độ chuyên chế hậu công nghiệp lạm dụng Khổng giáo bị xuyên tạc. Khổng giáo có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh khi bước vào giai đoạn phát triển hậu công nghiệp, vì Khổng giáo là học thuyết đạo đức - chính trị và là hệ thống và thụ quan bao hàm các định hướng đúng đắn cho sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người và trời đất (“Thiên” - “Địa” - “Nhân”).

1. GS. TS. Nguyễn Thanh Tuyền, PGS.TS. Đào Duy Huân (2000). Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một số nước Đông Nam Á – Bài học kinh nghiệm và tầm nhìn đến năm 2020. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. TS. Hồ Bá Thâm. *Khoa học con người và phát triển nguồn nhân lực* (2003). Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

3. PGS.TS. Đỗ Minh Hợp (2006). *Tôn giáo phương Đông – Quá khứ và hiện tại*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội

4. Lê Thành. (2006). *Khảo luận văn hóa cổ trong cuộc sống*. Nxb. Thanh Hóa.

5. Vi Chính Thống (1996). *Nho giáo Trung Quốc ngày nay*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

6. Max Weber (2008). *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch). Nxb. Tri Thức, Hà Nội

■ TÀI LIỆU THAM KHẢO

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP:

1. Bài gửi đăng Trên tạp chí Đại học Công nghiệp là bài viết bằng tiếng Việt, chưa gửi đăng ở một ấn phẩm thông tin nào khác.
2. Bài viết cần nêu lên được kết quả nghiên cứu của tác giả và phải theo cấu trúc của một bài báo khoa học, với mở đầu, nội dung và kết luận.
3. Ở đầu bài viết có phần tóm tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh, không quá 10 dòng.
4. Tài liệu tham khảo ghi theo trình tự: tên tác giả, năm xuất bản, tên sách hoặc tạp chí, (in nghiêng), nhà xuất bản, nơi xuất bản (tập, số, năm xuất bản đối với tạp chí). Tất cả đều viết bằng tiếng của nước đã xuất bản ấn phẩm, không phiên âm, chuyển ngữ hoặc dịch. Tài liệu tham khảo để ở cuối bài.
5. Bài viết dài không quá 12 trang, nên đánh máy bằng vi tính trên khổ giấy A.4, sử dụng Font chữ Unicode, (Time New Roman), size chữ 12; lề trên 2,5 cm, lề dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 cm, lề phải 2,0 cm. Các công thức toán học dùng MS Equation, hình vẽ dùng Word Picture. Bài viết về toán học, vật lý học có thể dùng hệ soạn thảo văn bản PCTEX.
6. Tên bài cần ngắn gọn. Nếu bài cần chia thành các mục, tiểu mục thì đánh số thứ tự: 1,2; 1.1, 1.2... tên mục, tiểu mục cũng cần ngắn gọn và không có dấu chấm câu.
7. Các chú thích để ở cuối trang, đánh theo số thứ tự phù hợp với trích dẫn ở từng trang và toàn bộ bài.
8. Tác giả gửi cho Hội đồng Biên tập 01 bản in kèm theo file bài viết qua địa chỉ: Tòa soạn Tạp chí ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP Phòng C1.3, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số nhà 12, đường Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP.HCM. Địa chỉ E.Mail: tapchi@hui.edu.vn. Hoặc thanhng1992@yahoo.com.vn
9. Ở cuối bài, tác giả cần giới thiệu một vài nét về bản thân: Họ, tên, chức danh, nơi đang công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, e.mail.

Tòa soạn

Tạp chí ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP